

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Thôn Pháp Vân, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4		6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	50,381,505,504	83,112,199,881	163,895,399,021	247,292,041,024
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					4,869,085
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		50,381,505,504	83,112,199,881	163,895,399,021	247,287,171,939
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	61,159,987,576	62,877,242,457	173,210,368,090	204,406,715,846
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		-10,778,482,072	20,234,957,424	-9,314,969,069	42,880,456,093
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	-594,018,555	-3,661,503,826	2,246,408,519	3,728,657,893
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	639,214,784	1,989,412,614	6,133,435,987	8,197,417,230
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		745,214,784	2,702,740,159	6,205,640,521	8,026,846,339
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	224,353,255	293,585,165	777,429,225	1,238,151,763
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	17,410,494,700	9,640,335,927	42,078,374,750	39,196,178,602
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		-29,646,563,366	4,650,119,892	-56,057,800,512	-2,022,633,609
11. Thu nhập khác	31	VI.7	78,549,448	-7,173,993,256	2,258,711,313	13,338,234,883
12. Chi phí khác	32	VI.8	76,580,771	-4,786,217,699	2,072,235,797	8,460,968,381
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1,968,677	-2,387,775,557	186,475,516	4,877,266,502
14. Lợi nhuận trong công ty liên doanh, liên kết	45		197,062,123	-601,690,821	-3,153,510,725	-527,355,712
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		-29,447,532,566	1,110,191,373	-59,024,835,721	2,327,277,181
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			55,164,082	41,147,600	491,726,348
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				-41,147,600	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		-29,447,532,566	1,055,027,291	-59,024,835,721	1,835,550,833
18A. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số			-655,789,046	-93,162,102	-2,010,620,958	-550,316,041
18B. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ			-28,791,743,520	1,148,189,394	-57,014,214,763	2,385,866,875
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-3,031		-6,002	

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

NGUYỄN THỊ HẢI

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

NGUYỄN THỊ HIỀN

Lập ngày 15 tháng 2 năm 2013

P/TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Lâu Xuân Khánh